**1. Cơ sở pháp lý để cấp cts**

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn cụ thể, như sau:

- Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/09/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ.

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 về công tác văn thư, Nghị định quy định về công tác văn thư và quản lý nhà nước về công tác văn thư, gồm: soạn thảo, ký ban hành văn bản; quản lý văn bản; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan; quản lý và sử dụng con dấu, thiết bị lưu khóa bí mật trong công tác văn thư.

- Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ về Quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.

- Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng, hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng chính phủ.

- Công văn số 04/STTTT-TTTH ngày 04/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên dịch vụ công quốc gia.

- Công văn số 651/STTTT-TTCNTTTT ngày 08/6/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang, về việc đăng ký chứng thư số chuyên dùng Chính phủ phục vụ nghiệp vụ tiếp nhận, số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp.

**2. Quy trình cấp chứng thư số:**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số phải thỏa các điều kiện theo quy định tại Điều 60 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

**2.1 Cấp mới cho cá nhân:**

- Phải là người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước có nhu cầu giao dịch điện tử;

- Có văn bản đề nghị và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

a) Cá nhân có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo ***Mẫu 01*** (Phụ lục kèm theo), đồng thời gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo ***Mẫu 02*** (phụ lục kèm theo) đến Sở Thông tin và Truyền thông (thông qua Trung tâm Công nghệ TTTT làm đại diện tiếp nhận).

**2.2 Cấp mới cho cơ quan, tổ chức:**

**-** Phải là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân.

**-** Có quyết định thành lập cơ quan, tổ chức hoặc xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp.

**-** Có văn bản đề nghị của người được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

a) Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị cấp chứng thư số theo ***Mẫu 03*** (Phụ lục kèm theo),gửi cơ quan quản lý trực tiếp.

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo ***Mẫu 4*** (phụ lục kèm theo) đến Sở Thông tin và Truyền thông (thông qua Trung Công nghệ TTTT làm đại diện tiếp nhận).

**2.3 Gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:**

**2.3.1 Điều kiện gia hạn chứng thư số:**

Điều kiện gia hạn theo quy định tại Điều 63 của Nghị định số 130/2018/NĐCP.

- Chứng thư số chỉ được đề nghị gia hạn 01 lần và phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị, được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị gia hạn chứng thư số .

**2.3.2 Các trường hợp thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo quy định tại Điều 65, Điều 66 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP:**

Điều kiện thay đổi nội dung thông tin của chứng thư số theo quy định tại Điều 65, Điều 66 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP**.**

- Chứng thư số yêu cầu thay đổi nội dung thông tin phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày và thời hạn của chứng thư số sau khi được thay đổi nội dung thông tin sẽ giữ nguyên thời hạn sử dụng của chứng thư số trước khi thay đổi nội dung thông tin.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.

**\*** Đối với chứng thư số của cá nhân:

- Thay đổi cơ quan, tổ chức công tác mà thông tin không phù hợp với thông tin trong chứng thư số;

- Thay đổi các thông tin về địa chỉ thư điện tử.

\* Đối với chứng thư số của cá nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước:

- Cá nhân thay đổi thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, thay đổi chức danh nhà nước.

\* Đối với chứng thư số của cơ quan, tổ chức:

- Cơ quan, tổ chức đổi tên hoặc địa chỉ hoạt động mà thông tin không phù hợp với thông tin trong chứng thư số.

a) Thuê bao có văn bản đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo ***Mẫu 7*** (phụ lục kèm theo) gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo ***Mẫu 8*** (phụ lục kèm theo) đến Sở Thông tin và Truyền thông (thông qua Trung tâm Công nghệ TTTT làm đại diện tiếp nhận).

**2.4 Thu hồi chứng thư số, thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật:**

**2.4.1 Thu hồi chứng thư số:**

Các trường hợp thu hồi chứng thư số theo quy định tại Điều 68 Nghị định số130/2018/NĐ-CP:

**\*** Đối với chứng thư số của cá nhân:

- Chứng thư số hết hạn sử dụng.

- Cá nhân thay đổi vị trí công tác mà thông tin về vị trí công tác mới không phù hợp với thông tin trong chứng thư số;

- Cá nhân nghỉ hưu, thôi việc, từ trần.

\* Đối với chứng thư số của cá nhân người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, người có chức danh nhà nước:

- Cá nhân thay đổi thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, thay đổi chức danh nhà nước.

\* Đối với chứng thư số của cơ quan, tổ chức:

- Chứng thư số hết hạn sử dụng.

- Cơ quan, tổ chức giải thể.

Thẩm quyền đề nghị thu hồi chứng thư số theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tự động thu hồi chứng thư số khi chứng thư số hết hạn sử dụng, đồng thời thông báo thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

- Mọi trường hợp thu hồi chứng thư số không thuộc trường hợp chứng thư số hết hạn sử dụng phải kịp thời có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Trường hợp thuê bao là cá nhân nghỉ hưu, thôi việc, chuyển cơ quan khác, từ trần, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao có thẩm quyền đề nghị thu hồi chứng thư số gửi đến tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

- Trường hợp thuê bao là tổ chức giải thể, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp của tổ chức đó có thẩm quyền đề nghị thu hồi chứng thư số gửi đến tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

- Đề nghị thu hồi chứng thư số gửi đến tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phải thực hiện nhanh nhất bằng văn bản.

Thủ tục thu hồi chứng thư số và thủ tục thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật:

a) Thuê bao có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số theo ***Mẫu 09*** (phụ lục kèm theo) gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số theo ***Mẫu 10*** (Phụ lục kèm theo) đến Sở Thông tin và Truyền thông (thông qua Trung tâm Công nghệ TTTT làm đại diện tiếp nhận).

**2.4.2 Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật:**

- Thuê bao phải có trách nhiệm bàn giao lại thiết bị lưu khóa bí mật cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp khi chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc bị thu hồi chứng thư số.

- Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao có trách nhiệm thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật trong trường hợp thuê bao là cá nhân nghỉ hưu, thôi việc, từ trần hoặc thuê bao là cơ quan, tổ chức giải thể bàn giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

- Quy trình thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thu hồi chứng thư số, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật của chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi, bàn giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;

+ Quá trình giao, nhận thiết bị lưu khóa bí mật phải lập biên bản.

a) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật của chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi bằng Biên bản giao, nhận thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi theo ***Mẫu 14*** (Phụ lục kèm theo) bàn giao cho Sở Thông tin và Truyền thông (thông qua Trung tâm Công nghệ TTTT làm đại diện tiếp nhận);

b) Trong trường hợp cá nhân/đơn vị bị thất lạc thiết bị lưu khóa bí mật (USB token), cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phải lập biên bản xác nhận theo ***Mẫu 15*** (Phụ lục kèm theo) gửi ngay về Sở Thông tin và Truyền thông (thông qua Trung tâm Công nghệ TTTT làm đại diện tiếp nhận).

**2.5 Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật:**

2.5.1 Trường hợp phải khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

- Thiết bị lưu khóa bí mật sẽ bị khóa khi nhập sai mật khẩu quá số lần quy định do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thiết lập;

- Để thiết bị lưu khóa bí mật hoạt động trở lại, cần phải thực hiện quy trình khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật;

- Chỉ có tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ và các tổ chức được tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ ủy quyền mới có quyền khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật;

- Danh sách các tổ chức được tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ ủy quyền khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật được công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

- Hồ sơ khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật: văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

- Quy trình khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật:

+ Thuê bao đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp gửi đến tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;

+ Trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hoặc tổ chức được ủy quyền khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện việc khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật và thông báo cho thuê bao đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp biết.

2.5.2 Thủ tục khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật:

a) Thuê bao có văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo ***Mẫu 11*** (Phụ lục kèm theo) gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

b) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo ***Mẫu 12*** (Phụ lục kèm theo) đến Sở Thông tin và Truyền thông (thông qua Trung tâm Công nghệ TTTT làm đại diện tiếp nhận).

**3. Câu Hỏi**

**-** Chứng thư số cấp mới bao nhiêu ngày có?

**-** Thời hạn cấp mới chứng thư số có hiệu lực bao nhiêu năm?

**-** Chứng thư số gia hạn thêm được bao nhiêu năm?

**-** Chứng thư số gia hạn thêm được mấy lần?

**-** cấp mới chứng thư số, cá nhân, cơ quan tổ chưc có sử dụng các thư điện tử như gmail, yahoo?

**4.Trả lời câu hỏi trên**

- Chứng thư số cấp mới là 30 ngày có, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đúng

- Thời hạn cấp mới chứng thư có hiệu lực 5 năm

- Chứng thư số gia hạn thêm được là 3 năm

- Chứng thư số gia hạn thêm được 01 lần duy nhất.

- Cấp mới chứng thư số, cá nhân, cơ quan tổ chưc bất buộc phải sử dụng duy nhất thư điện tử angiang.gov.vn